

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH THỰC HIỆN THU NSNN 06 THÁNG ĐẦU NĂM NĂM 2026

(Kèm theo Thông báo số /TB-UBND ngày /7/2026 của UBND phường Trảng Bom)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Thực hiện		Thực hiện lũy kế đến thời điểm báo cáo so (%)	
			Quý II/2026	Lũy kế đến thời điểm báo cáo	Dự toán	Cùng kỳ năm 2025
A	B	1	2	3	4=3/1	5
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN (*)	309.080	207.374	425.499	137,67	
	<i>Trong đó: thu huy động đóng góp</i>		4.142	6.009		
I	Thu nội địa	309.080	203.232	419.490	135,72	
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước					
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn ĐTNN					
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	103.680	75.419	118.550	114,3	
-	Trong đó: thuế giá trị gia tăng	69.000	47.767	72.126	104,5	
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	380	151	172	45,3	
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	34.000	26.632	45.218	133,0	
-	Thuế tài nguyên	300	869	1.034	344,7	
4	Thuế thu nhập cá nhân	24.000	23.672	56.242	234,3	
5	Thuế bảo vệ môi trường					
6	Các loại phí, lệ phí	38.450	14.670	33.443	87,0	
	Trong đó: Lệ phí trước bạ	36.200	13.802	32.107	88,7	
7	Các khoản thu về nhà, đất	137.950	84.781	205.371	148,9	
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp					
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	2.650	1.458	3.901	147,2	
-	Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	1.300	16.514	19.603	1.507,9	
-	Thu tiền sử dụng đất	134.000	66.809	181.867	135,7	
-	Thu tiền cho thuê và tiền bán nhà thuộc sở hữu NN					
8	Thu tiền sử dụng khu vực biển					
9	Thu từ khai thác, xử lý tài sản công xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công					
10	Thu từ hoạt động xổ số					
11	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước, cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện, thu tiền sử dụng khu vực biển					
12	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước					
-	Thu hồi vốn NSNN đầu tư tại tổ chức kinh tế					
-	Thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước					
13	Thu quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác					
14	Thu khác ngân sách	5.000	4.690	5.884	117,7	
II	Thu từ dầu thô					
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu					
1	Thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu					
2	Thuế xuất khẩu					
3	Thuế nhập khẩu					
4	Thuế TTĐB thu từ hàng hóa nhập khẩu					
5	Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu					
6	Thuế bổ sung đối với hàng hóa nhập khẩu					
7	Thuế khác					

STT	Nội dung	Dự toán	Thực hiện		Thực hiện lũy kế đến thời điểm báo cáo so (%)	
			Quý II/2026	Lũy kế đến thời điểm báo cáo	Dự toán	Cùng kỳ năm 2025
A	B	1	2	3	4=3/1	5
IV	Thu viện trợ					
B	Hoàn thuế GTGT, thuế TTĐB và các khoản thu khác					
1	Thuế GTGT					
2	Thuế TTĐB					
3	Hoàn các khoản thu khác					
C	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	211.384	113.099	243.992	115,4	
1	Từ các khoản thu phân chia giữa NSTW và NSDP	169.234	94.235	203.653	120,3	
2	Thuế GTGT (phần NSDP hưởng 30%)					
3	Các khoản thu NSDP hưởng 100%	42.150	18.864	40.339	95,7	

(*) Ghi chú: Tổng thu NSNN trên địa bàn đã bao gồm thu huy động, đóng góp